TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166 /2017/DSPT
Ngày: 28/9/2017
Về việc Tranh chấp
thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới

Bà Sơn Nữ Phà Ca

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý: 98/TLPT- DS, ngày 24 tháng 7 năm 2017. Về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DSST, ngày 26 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 230/2017/QĐ-PT, ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị H.

2/ Ông Nguyễn Hoàng L.

3/ Ông Nguyễn Hoàng T.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

***Bị đơn*:** Ông Nguyễn Hữu L.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân huyện B.

2/ Ông Nguyễn Hoàng H.

3/ Chị Nguyễn Thị V.

4/ Anh Nguyễn Hoàng V.

5/ Chị Nguyễn Thị X.

6/ Bà Đồng Thị H.

7/ Ông Trần Văn M.

8/ Bà Trần Kim L.

9/Anh Trần Văn Đ.

10/ Chị Trần Thị M.

11/ Anh Trần Văn R.

12/ Bà Trần Thị H.

13/ Ông Trần Thanh H.

14/ Bà Nguyễn Ngọc L.

15/ Chị Trần Thị Cẩm T.

16/ Chị Trần Thị Mỹ N.

17/ Anh Trần Thanh N.

18/ Ông Lê Thành L.

Người đại diện theo ủy của ông Lê Thành L: Ông Lê Thành C.

19/ Bà Nhâm Thị X.

20/ Ông Lê Thành K.

21/ Ông Lê Thành X.

22/ Ông Lê Thành Đ.

23/ Ông Lê Thanh H.

24/ Bà Lê Thị Ngọc G.

25/ Anh Lê Thanh H.

26 /Anh Lê Thanh M.

27/ Anh Lê Khái L.

28/ Ông Lê Thành C.

29/ Ông Nguyễn Quang V.

30/ Bà Nguyễn Thị Bé B.

31/ Chị Nguyễn Thị Kim Đ.

32/ Bà Trần Thị B.

33/ Bà Trần Thị N.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị N: Ông Nguyễn Hữu L.

34/ Anh Nguyễn Văn Q.

35/ Anh Nguyễn Quang C.

36/ Anh Nguyễn Hoàng T.

37 Chị Nguyễn Thị Kim H.

38/ Chị Nguyễn Thị Kim P.

39/ Bà Nguyễn Thị L.

40/ Bà Huỳnh Thị B.

41/ Chị Nguyễn Thị H.

42 /Anh Nguyễn Hoàng T.

43/ Chị Nguyễn Thị H.

44/ Chị Nguyễn Thị G.

45/ Bà Trần Kim L.

46/ Anh Nguyễn Hoàng S.

47/ Chị Nguyễn Thị H.

48/ Chị Nguyễn Thị T.

49/ Chị Nguyễn Thị Thu A.

50/ Anh Nguyễn Hữu K.

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Hữu K. : Ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị L.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

51/ Ngân hàng NN

52/ Bà Nguyễn Kim V.

Địa chỉ: 247/4, khóm T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

53/ Bà Nguyễn Thị B.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B,Vĩnh Long.

Người kháng cáo: *Bị đơn Nguyễn Hữu L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2012 của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T và trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày:

Cụ Nguyễn Văn N (N.1) và cụ Trần Thị N (N.2) là cha, mẹ ruột của các nguyên đơn. Cụ N.1 và cụ N.2 chung sống vợ chồng có 07 con ruột gồm:

+ Nguyễn Kim V

+ Nguyễn Hoàng H

+ Nguyễn Hoàng L

+ Nguyễn Hoàng T.

+ Nguyễn Quang V.

+ Nguyễn Thị H.

+ Nguyễn Hữu L.

Ngoài ra cụ N.1, cụ N.2 còn có một người con nuôi Nguyễn Thị B.

Tài sản chung do của cụ N.1, cụ N.2 tạo lập là thửa số 109, diện tích 1.440m ^{2}, loại đất thổ cư tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Cửu Long (nay là ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long) do cụ N.1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02201.

Ngày 15/5/1998 cụ N.1 chết không để lại di chúc.

Khi còn sống, các đồng nguyên đơn cho rằng cụ N.1 đã tiến hành tặng cho bà H, ông L, ông T mỗi người một nền thuộc thửa đất 109 bằng lời nói và giao đất cho bà H, ông L, ông T quản lý sử dụng ổn định cụ thể:

Vào khoảng năm 1976, ông L lập gia đình cụ N.1, cụ N.2 tặng cho ông L một nền nhà có diện tích 110,8m^2 (thuộc chiết thửa 109-12, diện tích 93,8m ^{2}; chiết thửa 109-9, diện tích 17,8m^2).

Vào khoảng năm 1984, ông T lập gia đình cụ N.1, cụ N.2 tặng cho ông T một nền nhà có diện tích 100,8m^2 (thuộc chiết thửa 109-13, diện tích 77m ^{2} chiết thửa 109-7, diện tích 5,7m^2).

Vào khoảng 1988, bà H có chồng và về sống ở bên chồng khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn nên bà H về ở chung cùng cụ N.1, cụ N.2 thì cụ N.1, cụ N.2 tặng cho bà H một nền nhà có diện tích 41,8m^2 (thuộc chiết thửa 109-14, diện tích 36,9m ^{2} ;chiết thửa 109-6, diện tích 4,9m^2).

Đến năm 2010, thì ông L không cho bà H sinh sống trên phần đất của cụ N.1, cụ N.2 đã tặng cho bà H và phát sinh tranh chấp. Ông L, ông T, bà H xác định việc cụ N.1 tặng cho các đồng nguyên đơn quyền sử dụng đất tại chiết thửa 109-12, 109-9, 109-13, 109-7, 109-14, 109-6 nhưng chưa thực hiện các thủ tục tặng cho theo quy định của pháp luật nên khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho các nguyên đơn.

Đến ngày 03/01/2017 các đồng nguyên đơn có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện trình bày: Năm 1998, cụ N.1 chết, không để lại di chúc nên các đồng nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ N.1, các đồng nguyên đơn yêu cầu được chia phần đất tại vị trí, diện tích nêu trên và hủy một phần giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông L là không đúng quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày: Ông L thừa nhận ông L là con chung của cụ N.1 và cụ N.2. Cụ N.1 và cụ N.2 có 07 người con ruột và một người con nuôi như các nguyên đơn đã trình bày. Tài sản chung của cụ N.1, cụ N.2 là thửa đất 109 như các đồng nguyên đơn trình bày là đúng. Năm 1998, cụ N.1 chết không để lại di chúc, ông L là người sống chung cùng cụ N.2. Năm 2005, ông L đã lập thủ tục thừa kế thửa đất 109 của cụ N.1, cụ N.2 . Đến năm 2006 ông L đã được cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 109 (chỉnh lý mặt bốn giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất). Về thủ tục thừa kế quyền sử dụng thửa đất 109 ông L thừa nhận tại tờ khai thừa kế thì các anh em có người ký tên, có người không ký tên, nhưng cụ thể ai ký tên thì ông L không nhớ và việc ông L lập thủ tục thừa kế di sản của cụ N.1 anh chị ruột trong gia đình không ai hay biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Hoàng L thừa nhận cụ N.1, cụ N.2 có cho ông T một nền nhà chiều ngang 4 mét, chiều dài 8 mét; ông Hoàng L một nền nhà chiều ngang 4 mét, chiều dài 8 mét. Sau đó ông T, ông Hoàng L sửa chữa nhà có diện tích chiều ngang 06 mét, chiều dài khoảng 14 -16 mét ông L cũng đồng ý không tranh chấp. Còn bà H là khoảng hơn 10 năm trước ông L cho bà H về đây ở nhờ một nền nhà chiều ngang khoảng 3m; chiều dài khoảng 9m. Nay phát sinh tranh chấp ông L chỉ đồng ý cho ông T, ông Hoàng L phần đất có chiều ngang 4 mét, chiều dài 8 mét. Riêng yêu cầu của bà H ông L không đồng ý, yêu cầu bà H di dời nhà, trả đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

1/ Ông Nguyễn Quang V trình bày: Ông V là con ruột của cụ Nguyễn Văn N (N.1) và cụ Trần Thị N (N.2). Trong thời gian cụ N.1 còn sống có cho ông V một nền nhà ở mé sông và vợ chồng V ở từ đó cho đến nay. Ngày 03/01/2017 ông V có đơn khởi kiện yêu cầu được chia phần di sản của cụ N.1 chết để lại là 25,6m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc chiết thửa 109-2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông Nguyễn Hoàng H xác định ông H là con ruột của cụ N.1 và cụ bà Trần Thị N.2. Trong thời gian cụ N.1 còn sống có cho ông H một nền nhà ở mé sông và ông H cất nhà sinh sống từ đó cho đến nay. Ngày 03/01/2017, ông H yêu cầu được hưởng phần di sản của cụ N.1 chết để lại là 20,4m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc chiết thửa số 109-4, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long.

3/ Cụ Trần Thị N (N.2) trình bày: Cụ N.2 và cụ N.1 chung sống vợ chồng có 07 con chung . Cụ N.1 đã chết vào năm 1998. Tài sản chung của cụ N.2 và cụ N.1 là thửa đất số 109. Khi cụ N.1 còn sống cụ N.1 và cụ N.2 đã thống nhất cho mỗi người con trai một nền nhà nhưng không có đo đạc nên

không xác định được diện tích cụ thể. Cụ N.1 và cụ N.2 đã giao đất cho các con trực tiếp quản lý sử dụng nhưng chưa lập thủ tục tặng cho đất theo quy định của pháp luật. Sau khi cụ N.1 chết, ông L đã lập thủ tục thừa kế toàn bộ thửa đất 109 cụ N.2 không biết. Nay cụ N.2 đồng ý cho bà H, ông Hoàng L, ông T, ông V và ông H mỗi người được hưởng một phần đất để cất nhà theo yêu cầu của các đương sự (trong thửa đất mà hiện nay L đứng tên quyền sử dụng đất). Phần còn lại của thửa 109 thì cụ N.2 không có yêu cầu chia cho cụ N.2 mà đồng ý để cho ông L đứng tên quyền sử dụng đất.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án : Bà Nguyễn Kim V, bà Nguyễn Thị B không yêu cầu chia di sản của cụ N.1; bà Nguyễn Thị L, ông Trần Văn M; bà Trần Thị B, anh Nguyễn Quang C; anh Nguyễn Văn Q, bà Đồng Thị H; Huỳnh Thị B; ông Lê Thành C; Nguyễn Thị G; Ngân hàng NN không có yêu cầu có yêu gì đối với các nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

Ngoài ra ông L còn cho các hộ gia đình Trần Thị B, hộ bà Trần Thị H, hộ ông Trần Văn M, hộ ông Lê Thành L ở trên thửa đất 109 nhưng các đồng nguyên đơn, ông H, ông V và ông L không có yêu cầu gì đối với các hộ đình bà B, bà H, ông M và hộ ông L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 26 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân quyết định:

Căn cứ vào các Điều 34, 91, 92, 93, 95, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 122, 123, 131, 457, 459, 609, 612, 623, 649, 650, 651, 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 46, 49, 135, 136 của Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Nguyễn Hoàng H, ông Nguyễn Quang V:

- Hủy một phần mặt 4 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 109 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, với nội dung là xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B ngày 24/03/2006 ông Nguyễn Hữu L nhận thừa kế theo tờ khai thừa kế ngày 04/03/2005 thửa 109, diện tích 1440m^2 đất ONT-LNQ.

- Công nhận cho bà Nguyễn Thị H được thừa kế quyền sử dụng đất là 41,8m^2 đất trồng cây lâu năm gồm chiết thửa 109-14, diện tích 36,9 m^2 và chiết thửa 109-6, diện tích 4,9 m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận cho ông Nguyễn Hoàng T được thừa kế quyền sử dụng đất là 100,8m^2 đất trồng cây lâu năm gồm chiết thửa 109-13, diện tích 77,4 m^2 ;

chiết thửa 109-8, diện tích 17,7 m^2 và chiết thửa 109-7, diện tích 5,7 m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận cho ông Nguyễn Hoàng L được thừa kế quyền sử dụng đất là 111,6m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc chiết thửa 109-12, diện tích 93,8 m^2 và chiết thửa 109-9, diện tích 17,8 m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận cho ông Nguyễn Hoàng H được thừa kế quyền sử dụng đất là 20,4m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc chiết thửa số 109-4 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận cho ông Nguyễn Quang V được thừa kế quyền sử dụng đất là 25,6m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc chiết thửa 109-2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B).

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T, ông Nguyễn Hoàng H, ông Nguyễn Quang V phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký đất đai để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Công nhận cho ông Nguyễn Hữu L được thừa kế quyền sử dụng đất là 1252,7m^2 đất trồng cây lâu năm và đất ở nông thôn, bao gồm chiết thửa 109-1 diện tích 13m^2 đất trồng cây lâu năm; chiết thửa 109-3 diện tích 4m^2 đất trồng cây lâu năm; chiết thửa 109-5 diện tích 55,6m^2 đất trồng cây lâu năm; chiết thửa 109-10 diện tích 163,6m^2 đất trồng cây lâu năm; chiết thửa 109-11 diện tích 1016,5m^2 đất trồng cây lâu năm và đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, án phí quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của các đương sự theo luật định.

Ngày 07/6/2017 ông Nguyễn Hữu L kháng cáo bản án số 08/2017/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án số 08/2017/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Đề nghị xem xét giảm tiền án phí.

Lý do kháng cáo: Bởi vì cụ N.1 đã qua đời vào 1998 nhưng đến năm 2012 các nguyên đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp thừa kế là 10 năm kể từ thời điểm người chết để lại di sản. Do đó thời điểm năm 2012 các nguyên đơn khởi kiện tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất là hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Các đồng nguyên đơn, ông H và ông V, ông L bảo lưu ý kiến đã trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì: Phần đất tranh chấp tại thửa 109, có diện tích 1.440m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long có nguồn đất của cụ Nguyễn Văn N (N.1) và cụ Trần Thị N (N.2). Cụ N.1 và cụ N.2 có 11 bảy người con gồm có: Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Quang V, Nguyễn Kim V và Nguyễn Hữu L. Cụ N.1 chết 1998 không để lại di chúc. Ngày 20/5/2012 các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được công nhận phần đất đang ở, đến ngày 03/01/2017 thì thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất thửa 109 của cụ N.1 để lại.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thì "Thời hiệu được áp dụng theo quy định cũa Bộ luật này. Tại khoản 2 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Không áp dụng Bộ luật này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với vụ việc mà Tòa án đã giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự trước ngày Bộ luật này có hiệu lực". Nhưng trong vụ án này chưa được giải quyết, đến ngày 03/01/2017 các nguyên đơn và những người có liên quan mới có đơn yêu cầu chia thừa kế. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ Luật dân sự quy định " Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế". Do đó, cụ N.1 chết năm 1998 thì vẫn còn thời hiệu chia thừa kế.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin miễn giảm án phí là không có căn cứ chấp nhận. Vì theo quy định tại Điều 12, 13 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Lợi không thuộc trường hợp được miễn giảm án phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn M, bà Trần Kim L, anh Trần Văn Đ, chị Trần Thị M, Trần Văn R, bà Trần Thị H, ông Trần Thanh H, bà Nguyễn Ngọc L, chị Trần Thị Cẩm T, Trần Thị Mỹ N, anh Trần Thanh N, ông Lê Thành L, bà Nhâm Thị X, ông Lê Thành K, ông Lê Thành X, ông Lê Thành Đ, ông Lê Thanh H, chị Lê Thị Ngọc G, anh Lê Thanh H, anh Lê Thanh M, anh Lê Khái L, ông Lê Thành C, bà Trần Thị B là đương sự trong vụ án nhưng việc kháng cáo không có liên quan đến các đương sự nêu trên; bà Đồng Thị H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Thị Kim H, chị Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Thị B, chị Nguyễn Thị G, chị Trần Kim L, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thu A, bà Nguyễn Kim V, bà Nguyễn Thị B, Ngân hàng NN, Ủy

ban nhân dân huyện B; chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Hoàng V, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị Kim Đ, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Xét cụ Nguyễn Văn N (N.1) và cụ Trần Thị N (N.2) có 07 người con ruột gồm bà Nguyễn Kim V, ông Nguyễn Hoàng H, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T, ông Nguyễn Quang V, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hữu L và một người con nuôi là bà Nguyễn Thị B. Cụ Nguyễn Văn N.1 chết vào năm 1998 không để lại di chúc. Cụ N.2, bà V, ông H, ông L, ông T, ông V, bà H và ông L đều xác định: Tài sản chung của cụ N.1 và cụ N.2 là thửa đất số 109, diện tích 1.440m^2, loại đất thổ quả tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Do cụ N.1 chết không để lại di chúc phần di sản của cụ N.1 cấp sơ thẩm đã phân chia thừa kế theo yêu cầu của ông H, ông Hoàng L, ông V, ông T và bà H theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L yêu cầu xem xét hủy bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân vì cụ N.1 chết vào năm 1998 đến năm 2012 các đương sự khởi kiện chia di sản thừa kế là hết thời hiệu. Xét thấy, tại đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2012 ông Hoàng L, ông T và bà H khởi kiện yêu cầu " *Công nhận nhà ở - đất ở*" của ông Hoàng L, ông T và bà H được cụ N.1, cụ N.2 tặng cho là hợp pháp và "*hủy một phần giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L*" vì đất là do các đương sự nêu trên đang quản lý sử dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng với quy định của pháp luật. Đến ngày 03/01/2017 ông Hoàng L, ông T, bà H, ông H và ông V có đơn xin sửa đổi bổ sung đơn khởi khởi kiện, đơn yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ N.1. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân ra Thông báo thụ lý số 107/TB-TA ngày 03/01/2017 về việc khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của các đương sự đối với di sản của cụ N.1 và đã thông báo cho ông L được biết (BL 61, 97) đối chiếu với quy định tại các Điều 323, 688, 689 Bộ Luật dân sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 quy định về thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Như vậy các đồng nguyên đơn, bị đơn , những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận cụ Nguyễn Văn N.1 chết vào ngày 15/5/1998 (thời điểm mở thừa kế) đến 03/01/2017 các đồng nguyên đơn có đơn bổ sung thay đổi yêu cầu khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập (yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N.1) là còn thời hiệu theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ông L yêu cầu Tòa án xem xét miễn giảm án phí là không có căn cứ theo quy định tại các Điều 11, 12,13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông L là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông L phải nộp án phí dân phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 674, 675, 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 323, 688, 689 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 166, 167 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 27, 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hữu L. Giữ nguyên bản án số 8/2017/DS-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tuyên xử

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Nguyễn Hoàng H, ông Nguyễn Quang V:

- Hủy mặt 4 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 109 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, với nội dung là xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B ngày 24/03/2006 ông Nguyễn Hữu L nhận thừa kế theo tờ khai thừa kế ngày 04/03/2005 thửa 109, diện tích 1440m^2 đất ONT-LNQ.

- Công nhận cho bà Nguyễn Thị H được thừa kế quyền sử dụng đất là 41,8m^2 đất trồng cây lâu năm gồm chiết thửa 109-14, diện tích 36,9 m^2 và chiết thửa 109-6, diện tích 4,9 m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận cho ông Nguyễn Hoàng T được thừa kế quyền sử dụng đất là 100,8m^2 đất trồng cây lâu năm gồm chiết thửa 109-13, diện tích 77,4 m^2 ; chiết thửa 109-8, diện tích 17,7 m^2 và chiết thửa 109-7, diện tích 5,7 m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận cho ông Nguyễn Hoàng L được thừa kế quyền sử dụng đất là 111,6m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc chiết thửa 109-12, diện tích 93,8 m^2 và chiết thửa 109-9, diện tích 17,8 m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long .

- Công nhận cho ông Nguyễn Hoàng H được thừa kế quyền sử dụng đất là 20,4m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc chiết thửa số 109-4 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận cho ông Nguyễn Quang V được thừa kế quyền sử dụng đất là 25,6m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc chiết thửa 109-2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B).

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T, ông Nguyễn Hoàng H, ông Nguyễn Quang V phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký đất đai để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2/ Công nhận cho ông Nguyễn Hữu L được thừa kế quyền sử dụng đất là 1252,7m^2 đất trồng cây lâu năm và đất ở nông thôn, bao gồm chiết thửa 109-1 diện tích 13m^2 đất trồng cây lâu năm; chiết thửa 109-3 diện tích 4m^2 đất trồng cây lâu năm; chiết thửa 109-5 diện tích 55,6m^2 đất trồng cây lâu năm; chiết thửa 109-10 diện tích 163,6m^2 đất trồng cây lâu năm; chiết thửa 109-11 diện tích 1016,5m^2 đất trồng cây lâu năm và đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B).

3/ Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

4/ Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Hữu L phải án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện B, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011768, ngày 08/6/2017.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Duy Mỹ Ngọc

Nơi nhận:
- TANDTC-Hà Nội:01b
- Chánh án TAND tỉnh Vĩnh Long:01b
- VKSND tỉnh Vĩnh Long:02b
- TAND HBT:01b
- Chi cục THA.DS HBT:02b
- Đương sự: 56b
- Lưu: 04b.